

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Phát triển bất động sản Phát Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 13/5/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 245/2020/PĐ-TK ngày 14/7/2020 của Công ty Cổ phần Phát triển bất động sản Phát Đạt;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 680/TTr-STNMT ngày 03/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Phát triển bất động sản Phát Đạt thực hiện tại

xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung chính Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Phước Thuận theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

5. Bàn giao cho đơn vị có chức năng vận hành các công trình bảo vệ môi trường sau khi chủ dự án đã hoàn thành việc xây dựng và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

6. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

7. Trong quá trình thực hiện dự án, khi chủ đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại của dự án (nhà ở, tái định cư). Chủ đầu tư phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường cho tổng thể dự án.

8. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, nếu dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thuận;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ KẾT HỢP CHÍNH TRANG ĐÔ THỊ BẮC HÀ THANH,
XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khu dân cư kết hợp chính trang đô thị Bắc Hà Thanh, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phát triển bất động sản Phát Đạt.

1.3. Địa chỉ trụ sở: Tầng 8 và 9, Tháp B, Tòa nhà Viettel, số 285 đường Cách mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án: hạng mục: hạ tầng kỹ thuật khu dân cư có diện tích 431.604,96 m², quy mô dân số khoảng 6.073 người.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: san nền, tuyến đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện, nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải riêng biệt, hệ thống xử lý nước thải công suất 600 m³/ngày đêm; cây xanh (79.980,03 m²).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công: bụi từ quá trình san nền, bụi và khí thải của máy móc thi công tại công trường, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 2,88 m³/ngày; nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ, thiết bị thi công khoảng 1 - 2 m³/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 543,2 m³/ngày.

Tính chất: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án; khí thải từ các hoạt động nấu nướng của người dân.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường:

- Giai đoạn thi công: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 54,79 kg/ngày; CTR xây dựng phát sinh khoảng 28,17 - 46,96 kg/ngày; đất bóc phong hóa hữu cơ khoảng 129.168,38 m³.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 44.159 kg/ngày; lượng bùn thải phát sinh từ bể lắng của hệ thống XLNT khoảng 136,324 kg/ngày.

- Tính chất: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn thi công: chất thải nguy hại phát sinh gồm các loại vật dụng nhiễm dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ thải, cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (thùng, bao bì đựng dầu nhớt, sơn, keo, dung môi thải) với khối lượng khoảng 85 kg/năm.

Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công:

- + Nước mưa chảy tràn: các công thoát nước đầu nổi và xả ra sông Hà Thanh đảm bảo thoát nước mặt khu vực triển khai dự án và khu vực xung quanh.

- + Nước thải xây dựng: hố lắng tại công trường để thu gom nước thải từ rửa các thiết bị thi công, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

- + Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động hoặc thuê nhà dân để sử dụng.

- Giai đoạn hoạt động:

- + Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Các tuyến cống và hố ga dọc theo các tuyến đường nội bộ với khoảng cách giữa các hố ga để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn của dự án dẫn về các hố ga dọc trên đường D1, sau đó thoát ra sông Hà Thanh qua 4 cửa xả.

Đối với khu vực phía Bắc đường quốc lộ 19, 06 cống BTLT (D1200mm, D1500mm và D2000mm) đầu nối với 06 cống thoát nước hiện hữu dọc đường quốc lộ 19.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, đầu nối vào tuyến thu gom nước thải HDPE D200 – D300, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày được xây dựng tại khu vực dải cây xanh cách ly phía Nam dự án, xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số k = 1, sau đó xả thải ra sông Hà Thanh.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

Nước thải từ khu dân cư, dịch vụ thương mại, công cộng → bể gom, tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k = 1).

+ Quy trình vận hành: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thường xuyên.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày, phun nước bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

+ Phân luồng giao thông, bố trí mật độ xe ra vào dự án phù hợp tránh ùn tắc giao thông.

+ Phương tiện vận chuyển, chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá, cát.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Bố trí diện tích cây xanh với tổng diện tích: 79.980,03 m².

+ Giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: hệ thống xử lý nước thải được xây ngầm kín; thực hiện nạo vét định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- Giai đoạn thi công:

+ CTR sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại.

+ CTNH: bố trí các thùng chứa chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che) để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

+ Đất bóc phong hóa hữu cơ: được tận dụng đổ tại khu vực quy hoạch trồng cây xanh của dự án có diện tích 79.908,03 m².

- Giai đoạn hoạt động: khu vực tập kết dụng cụ, thiết bị thu gom rác thải (xe rác đẩy tay,...) tại khu vực đất cây xanh cách ly trên đường D1, diện tích khoảng 30 m² (có mái che).

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng tần suất quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông:

- Giai đoạn thi công

+ Lắp đặt các biển báo hiệu công trường đang thi công và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường đang thi công đảm bảo an toàn.

+ Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa (11h30 -13h30) và không hoạt động trong khoảng thời gian từ 21h đến 6h.

- Giai đoạn hoạt động: bố trí diện tích cây xanh khoảng 79.980,03 m².

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Giai đoạn thi công:

+ Khắc phục, sửa chữa các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công trong trường hợp bị hư hỏng để đảm bảo hoạt động đi lại của người dân địa phương.

+ Ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các phương tiện thi công tại công trường nhằm tránh nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Lắp đặt trụ chữa cháy và đơn vị thụ hưởng thường xuyên kiểm tra, bảo trì van khóa hệ thống họng cứu hỏa trong khu dân cư đảm bảo tất cả các tuyến ống hoạt động tốt khi có hỏa hoạn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng đường ống cấp thoát nước và hệ thống xử lý nước thải định kỳ; trang bị máy móc dự phòng (máy bơm, máy thổi khí..) nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên; lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để giám sát.

4. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 600 m³/ngày.đêm (lắp đồng hồ đo lưu lượng đầu vào và đầu ra; bố trí các điểm lấy mẫu và giám sát nước thải của hệ thống).

- Diện tích cây xanh: 79.980,03 m².

- Khu vực tập kết dụng cụ, thiết bị thu gom rác thải tại khu vực đất cây xanh cách ly diện tích khoảng 30 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Giai đoạn thi công

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: khu vực tiếp giáp với dân cư phía Nam dự án.

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

b) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Vị trí, thông số và tần suất quan trắc thực hiện theo quy định tại điểm 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số k = 1.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại: Chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành dự án có trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải nguy hại) theo quy định, cụ thể như sau:

a) Giám sát nước thải

- Giám sát định kỳ tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- + Thông số giám sát: lưu lượng và toàn bộ thông số theo QCVN14:2008/BTNMT.

- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số k = 1.

b) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH: khối lượng và loại chất thải phát sinh, tần suất thu gom; tần suất giám sát 03 tháng/lần.